

Bản án số: 370 /2017/HSPT

Ngày: 27/7/2017

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Thanh Lâm

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Phạm Thao

2. Ông Đặng Hồng Sơn

*Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tâm - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Dương Ngọc Ân - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý 327/2017/HSPT, ngày 14/6/2017 đối với các bị cáo Lâm Văn T và bị cáo Trần Linh G do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 28/2017/HSST ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Các bị cáo có kháng cáo:**

**1. Trần Linh G;** Giới tính: nam; Sinh năm 1987; Tại: tỉnh T; trú tại: Ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh T; Tạm trú: Không có nơi cư trú rõ ràng; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 04/12; Con ông Trần Văn A sinh năm 1963 và bà Trần Thị S sinh năm 1963; Hoàn cảnh gia đình: có vợ và 02 con: lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 26/7/2017 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bản án số 365/2017/HSPT.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/11/2016 (có mặt)

**2. Lâm Văn T:** Giới tính: Nam; Sinh năm 1982; Tại: Tỉnh S; Nơi ĐKKHKT: Ấp TB, xã T, huyện L, tỉnh S; Chỗ ở: Khu 2 Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đ; Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: xe ôm; Con ông: Lâm Quang H và bà: Trần Thị T; Hoàn cảnh gia đình: có vợ và 3 con lớn sinh năm 2001 nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày: 18/11/2016 (có mặt)

**Người bào chữa:** Luật sư Trần Huy T – Luật sư của công ty Luật TNHH A.B. C – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Linh G (có mặt).

### **NHẬN THẤY**

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận A và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận A thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 16/11/2016, Đội cảnh sát hình sự Công an Quận A phối hợp với công an phường AP tiến hành kiểm tra hành chính khách sạn C, tại số: 299/G36 khu dân cư S, khu phố 2, phường AP, Quận A phát hiện Trần Linh G, Nguyễn Văn V và Cao Thị T (vợ của G) có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Linh G, Nguyễn Văn V khai nhận đã cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản ở phường TM và Phường C, Quận A. Sau đó, đem tài sản lấy trộm được bán cho Lâm Văn T tiêu thụ, cụ thể như sau:

-Vụ thứ nhất: khoảng 04 giờ ngày 28/8/2016, Trần Linh G, Nguyễn Văn V và Lâm Văn T rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Sau đó, V lấy ghe máy của mẹ ruột là Nguyễn Thị A chở G và T đi dọc trên Sông Đồng Nai tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. Khi đến khu vực khu phố 3. Phường TM, Quận A, V thấy xà lan của anh Mai Thanh B đang neo đậu trên sông, V điều khiển ghe máy tấp vào xà lan cho G và T lên tìm tài sản để lấy trộm, còn V đứng dưới ghe cảnh giới. Lúc này G nhìn thấy chiếc điện thoại iphone 6s màu vàng của anh B để trên bàn, G lấy bỏ vào túi quần không cho T và V biết rồi đi xuống ghe. T tìm không thấy tài sản gì nên cũng đi xuống ghe cho V chở đi. Sau khi lấy điện thoại di động của anh B, G đem về cho vợ là Cao Thị T sử dụng. Chị Tg không biết điện thoại do G trộm cắp mà có, khi Cơ quan điều tra phát hiện, chị T đã giao nộp điện thoại trên.

-Vụ thứ hai: Khoảng cuối tháng 9/2016, G rủ V đi tìm tài sản trộm cắp thì V đồng ý. G dùng xe mô tô của mình, biển số: 60LA-017.14 (G mua lại của một người không rõ lai lịch, không có giấy tờ) chở V đến công trình xây dựng Cosaco thuộc khu phố 3, phường C, Quận A. Tại đây, G đứng ngoài cảnh giới, V đi bộ vào trong công trình thấy cửa văn phòng khép hờ và thấy anh Đặng Minh T đang nằm ngủ, trên bàn làm việc có 02 máy vi tính xách tay hiệu Dell (01 màu trắng, 01 màu đen) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 203. V đi vào lấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia 203 của anh H bỏ vào túi quần, 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell màu trắng của anh Nguyễn Tấn H và 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell màu đen của anh T đem ra ngoài cho G chở về khách sạn C cất

giấu. Riêng điện thoại di động hiệu Nokia 203, V sử dụng riêng không nói cho G biết và sau đó V làm rơi mất. Sau đó, G điện thoại cho Lâm Văn T đến để bán. T biết 02 máy vi tính xách tay trên do G và V trộm cắp mà có và thỏa thuận mua với giá 6.000.000 (sáu triệu) đồng, T đưa trước 4.000.000 (bốn triệu) đồng và hẹn khi nào mở được mật mã của máy vi tính xách tay màu đen sẽ trả thêm 2.000.000 (hai triệu) đồng tiêu xài hết, T đem 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell màu đen đến tiệm sơn Ba Sang tại số 327, đường L, phường AP, Quận A hỏi bán cho anh Lý Hữu Ph (chủ tiệm sơn) nhưng anh Ph không mua. Lúc này anh Trần Hữu P đến mua sơn thấy T bán máy nên hỏi mua với giá 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Khi mua, anh P không biết máy vi tính xách tay là tài sản trộm cắp nên mua về cho con sử dụng, đến ngày 18/11/2016, anh P biết được máy vi tính xách tay trên là tài sản trộm cắp nên giao nộp lại cho cơ quan điều tra. Đối với máy vi tính xách tay hiệu Dell màu trắng, T đem bán cho D (không rõ lai lịch) ở Biên Hòa, Đồng Nai với giá 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng. Sau đó, Dũng nhờ một người đàn ông chạy xe ôm (không rõ lai lịch) đem đến đưa lại cho chị Nguyễn Thị Kim C (vợ của T) và chị C giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

-Vụ thứ ba: Khoảng giữa tháng 10/2016, G dùng xe gắn máy biển số 60LA-017.14 chở V từ khách sạn C đi lòng vòng Quận A tìm tài sản lấy trộm. Khi cả hai đi đến công trình xây dựng tại số 125, đường Đ, phường T, Quận A thì xe dừng lại. G và V đi bộ vào trong kho vật tư của công trình, thấy không có người trông coi, G và V lấy trộm 01 thùng giấy bên trong có 100 bóng đèn Led màu trắng hiệu SMD led Panel Downlight 90% của Công ty Cổ phần xây dựng P do anh Ngô Anh Th quản lý đem về khách sạn C cất giấu rồi điện thoại cho T đến bán được 1.700.000 (một triệu, bảy trăm nghìn) đồng, cả hai chia nhau tiêu xài hết. Sau khi mua số bóng đèn led trên, T đem đến bán cho Trần Ngọc H tại số: B13.1, chung cư PH, ấp 5, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng H không thừa nhận có mua 100 bóng đèn led trên của T nên không thu hồi được.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận A, các bị cáo Trần Linh G, Nguyễn Văn V và Lâm Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2017/HSST ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Linh G phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Lâm Văn T phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 và Điều 20 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Linh G: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; các điểm h, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 và Điều 20 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn T: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2016.

Ngoài ra bản án còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn V, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thời hạn kháng cáo.

Sau khi xét xử bị cáo Nguyễn Văn V không kháng cáo.

Ngày 18/5/2017, bị cáo Trần Linh G và Lâm Văn T có đơn kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Linh G, Lâm Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, mức hình phạt là thỏa đáng do đó đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Huy T trình bày: Thống nhất với tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo G. Tuy nhiên các bị cáo không phải bị bắt về hành vi này mà là kiểm tra hành chính mời về trụ sở làm việc và do các bị cáo khai ra đề nghị xem xét các tình tiết bị cáo tự thú về hành vi của mình, tích cực giúp đỡ các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra làm rõ vụ án, các hành vi xảy ra cùng một thời điểm nhưng tách ra để giải quyết là bất lợi đối với bị cáo. Bị cáo đã nộp 2.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Về 100 bóng đèn chỉ bắt bị cáo G và V bồi thường mà không buộc T cũng liên đới bồi thường là bất lợi cho bị cáo, hậu quả vụ án là không lớn. Hoàn cảnh gia đình bị cáo vợ đang buộc đi cai nghiện, con nhờ ông bà nội nuôi nên đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o,q khoản 1, khoản 2 Điều 46 giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Viện kiểm sát tranh luận: Bị cáo nhiều lần phạm tội, trên nhiều địa bàn khác nhau, do cơ quan điều tra có biểu hiện tiếp tục phạm tội nên mời về làm việc thì bị cáo khai ra hành vi phạm tội, việc bị cáo khai ra là thành khẩn khai báo nên không áp dụng tình tiết tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm điều tra tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại

điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là không đúng vì bị cáo phạm tội nhiều lần và mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng. Ngoài ra các tình tiết Luật sư đưa ra đều không trái quy định nên đề nghị chấp nhận.

Luật sư tranh luận: Ban đầu cơ quan điều tra không biết gì về vụ án này, mới về trụ sở làm việc là vì không có giấy tờ nên tiến hành kiểm tra hành chính. Do các bị cáo khai ra mới có căn cứ làm rõ 4 vụ án này nên đề nghị chấp nhận áp dụng các điểm o,q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, Luật sư.

### **XÉT THẤY**

Từ ngày 28/8/2016 đến tháng 10 /2016 Trần Linh G đã thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản cụ thể:

Ngày 28/8/2016 Trần Linh G cùng Lâm Văn T và Nguyễn Văn V đột nhập xà lan của anh Mai Thanh B và G lén lút lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S nhưng không nói cho T và V biết. Trị giá điện thoại theo định giá là 8.000.000 đồng;

Tháng 9/2016 Trần Linh G và Nguyễn Văn V đến công trường xây dựng Cosaco phường C, Quận A, G đứng ngoài cảnh giới, V vào trong lén lút lấy trộm 02 máy tính xách tay hiệu Dell và 01 điện thoại Nokia 203 của anh Nguyễn Tấn H và anh Đặng Minh T, riêng chiếc điện thoại V không nói cho G biết mà cất giữ riêng. Sau đó gọi T đến và bán cho T 2 máy tính với giá 6 triệu đồng. Kết quả định giá 02 máy tính xách tay hiệu Dell trị giá 16.500.000 đồng và 01 điện thoại Nokia 203 trị giá là 1.000.000 đồng;

Tiếp đến giữa tháng 10/2016 G và T đột nhập vào công trình xây dựng số 125 đường Đ, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh chiếm đoạt của công ty Cổ phần Xây dựng P do anh Ngô Văn Th quản lý 100 bóng đèn Led Panel Downlight sau đó tiếp tục điện thoại cho Lâm Văn T bán 100 bóng đèn với giá 1.700.000 đồng. Kết quả định giá 100 bóng đèn Led Panel Downlight trị giá 11.000.000 đồng.

Bị cáo Lâm Văn T tham gia 01 vụ trộm vào ngày 28/8/2016 (vụ này Trần Linh G lén lút chiếm đoạt 01 Iphone 6s nhưng không nói cho T và V biết) sau đó bị cáo đã 2 lần mua tài sản biết rõ do V và G trộm cắp được gồm 2 máy vi tính và 100 bóng đèn Led.

Kết quả định giá các tài sản mà L Văn T tiêu thụ có trị giá 27.500.000 đồng.

Với hành vi đó Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 138 xử phạt bị cáo Trần Linh G 1 năm 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự xử phạt Lâm Văn T 1 năm về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đồng thời khi lượng hình cho các bị cáo đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội với vai trò đồng phạm để áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo Lâm Văn T đã cùng tham gia 01 vụ trộm với G và T mặc dù tài sản trong vụ đó G chiếm đoạt nói cho T và V biết nhưng sau đó Lâm Văn T liên tục 2 lần nhận các tài sản biết rõ do G và V thực hiện hành vi trộm cắp có được đi tiêu thụ; Trong các vụ trộm cắp tài sản các bị cáo đều là những đối tượng không có công ăn việc làm, tụ tập thuê khách sạn và lợi dụng lúc những người bị hại sơ hở vào đêm khuya hoặc gần sáng đột nhập vào chiếm đoạt tài sản. Trước khi thực hiện có chuẩn bị xe, ghe máy; khi thực hiện có phân công người cảnh giới, thực hành nhưng quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử không làm rõ vai trò đồng phạm để xác định tội danh; khung hình phạt cho chính xác. Đồng thời khi lượng hình các bị cáo đều phạm tội từ hai lần trở lên nhưng vẫn nhận định các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng cũng như áp dụng thêm tình tiết phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự như vậy là trái qui định của pháp luật. Bị cáo Lâm Văn T bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội tiêu thụ tài sản nhưng trong phần lượng hình đối với bị cáo lại áp dụng Điều 20 để lượng hình theo nguyên tắc đồng phạm cũng không đúng quy định pháp luật vì bị cáo không thể đồng phạm với chính bị cáo. Với những lỗi trên lẽ ra cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi, để bảo đảm ổn định bản án đồng thời xét hành vi của Trần Linh G được tách ra thành hai vụ án và xét xử bằng hai bản án và mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo là thỏa đáng nên không hủy án sơ thẩm nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm những vấn đề trên. Đồng thời trong vụ án này, bị cáo Trần Linh G khi bị bắt giữ là do kiểm tra hành chính các bị cáo tự khai ra hành vi phạm tội trước đó của bản thân nên chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư đề nghị áp dụng điểm o khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo, cũng như trước khi xét xử bị cáo đã nộp số tiền 2.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án để áp dụng các điểm o,p,b khoản 1 Điều 46 đối với bị cáo Trần Linh G. Ngoài ra Luật sư còn cho rằng đối với vụ trộm cắp 100 bóng đèn Led không buộc bị cáo T liên đới bồi thường là ảnh hưởng đến quyền

lợi của G, quan điểm bào chữa này không được chấp nhận bởi lẽ bản án sơ thẩm kết luận bị cáo T phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” còn bị cáo G và V phạm tội “Trộm cắp tài sản” nên phải bồi thường là đúng quy định. Ngoài bản án này, bị cáo đang phải chấp hành 01 bản án khác đã có hiệu lực pháp luật nên cần áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo Trần Linh G. Từ những phân tích trên thấy mức hình phạt đã tuyên là thỏa đáng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo cũng như quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo G. Giữ nguyên bản án sơ thẩm nhưng điều chỉnh việc áp dụng các quy định pháp luật trong phần quyết định của bản án cho đúng quy định pháp luật.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Linh G, Lâm Văn T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Tuyên bố bị cáo Trần Linh G phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Lâm Văn T phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm o,p,b khoản 1 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Linh G: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 năm tù của bản án số 365/2017/HSPT ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử Trần Linh G về tội “trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo Trần Linh G phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2016.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn T: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2016.

Ghi nhận bị cáo Trần Linh G đã nộp số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0047280 ngày 26/7/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo thi hành.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM; (1)
- VKSND Quận 2; (1)
- P. PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (4)
- Luật sư; (1)
- Chi Cục THA Quận 2; (1)
- TAND Quận 2; (2)
- Công an Quận 2; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (26). (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vũ Thanh Lâm**

